

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 15/3/2018

“V/v ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN-TỈNH KIÊN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Nguyễn Thanh Nguyên.

2- Bà Trần Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 272/2017/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 12 năm 2017 về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXX-ST, ngày 12 tháng 02 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2018/QĐST- HNGĐ, ngày 28 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1985.

HKTT: Ấp P, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp X, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/11/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn N kết hôn với nhau ngày 25/11/2011, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình làm cho vợ chồng thường xảy ra cự cãi nhau dẫn đến hạnh phúc gia đình không còn nữa nên chị và anh N đã ly thân với nhau từ đó cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm của vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Có 01 đứa con tên Nguyễn Thị Bình N, sinh ngày 12/11/2013, từ khi ly thân cho đến nay chị chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nhân, cuộc sống của cháu N vẫn ổn định và bản thân chị là giáo viên có mức lương cơ bản ổn định, có đủ điều kiện để nuôi con. Vì vậy, chị yêu cầu xin được nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị N thừa nhận không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn N Tòa án đã tổng đạt hợp lệ gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh N vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng và cũng không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Phạm Thị N vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi con là Nguyễn Thị Bình N, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Văn N vắng mặt.

Quan điểm của đại viện Viện kiểm sát:

Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thì Thẩm phán đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Về phần nội dung:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị N xử cho chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn N được ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Bình N, sinh ngày 12/11/2013 cho chị Phạm Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và phân nợ chung: Chị Phạm Thị N không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con và bị đơn trong vụ án có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với anh Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn N.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn N kết hôn với nhau ngày 25/11/2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Theo giấy chứng nhận kết hôn số: 10 ngày 25/11/2011 do chị N cung cấp nên hôn nhân của chị N và anh N là hợp pháp.

Về mâu thuẫn, sau khi vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống làm cho vợ chồng thường cự cãi nhau dẫn đến vợ chồng phải ly thân với nhau từ đó cho đến nay. Thể hiện tại biên bản xác minh ngày 25/12/2017, xác định vợ chồng chị N và anh N thường cự cãi nhau và không còn chung sống với nhau nữa, đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án anh N cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị N.

Từ đó, xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nên Hội đồng xét xử

chấp nhận yêu cầu của chị N xử cho chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn N ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn N có 01 đứa con tên Nguyễn Thị Bình N, sinh ngày 12/11/2013, chị N yêu cầu xin được nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, yêu cầu của chị N là có cơ sở. Bởi vì, từ khi ly thân cho đến nay chị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N, hơn nữa chị N là giáo viên có thu nhập đồng lương cơ bản ổn định và có đủ điều kiện để nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N xử giao cháu Nguyễn Thị Bình N cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản và nợ chung: Chị Phạm Thị N thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị Phạm Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo lai thu số 0001314, ngày 22/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy chị N đã nộp đủ tiền án phí.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nêu trên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn N được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Bình N, sinh ngày 12/11/2013 cho chị Phạm Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh N có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết chị N và anh N có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị Phạm Thị N thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị Phạm Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo lai thu số 0001314, ngày 22/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy chị N đã nộp đủ tiền án phí.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị N có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (15/3/2018). Đối với anh N vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- UBND xã Tây Yên;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Tâm

